

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B- LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03** /2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 11 - 3 - 2019.

V/v tranh chấp: *Ly hôn*

giữa chị M và anh H.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B- TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Đức Trường**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông **Lưu Đức Vinh**

- Ông **Phạm Đức Minh**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Trương Quang Vũ**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày **11** tháng **3** năm **2019** tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 239/2018/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị **Trần Thị M** sinh năm: 1990

Địa chỉ cư trú: Số 39 Đào Duy Từ, TT. D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

* **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Đức H** sinh năm: 1986

HKTT: Thôn Vĩnh Tân, xã T, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh.

Tạm trú tại: Tổ 15, Thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 11 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị M và bị đơn anh Nguyễn Đức H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị M và anh H tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 23/02/2017. Hôn nhân được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên đến tháng 03/2018 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp. Chị M cho rằng vợ chồng cãi nhau do anh H ghen tuông và anh H có đánh đập chị M. Sau đó vợ chồng đã nộp đơn ly hôn nhưng lại rút đơn để quay về chung sống với nhau nhưng vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được hạnh phúc, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Chị M và anh H đều cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, cuộc sống chung không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M và anh H đều cương quyết yêu cầu được ly hôn.

- *Về con chung*: Vợ chồng chung sống với nhau có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 04/08/2017. Hiện nay cháu A đang sống với bà nội tại Thôn Vĩnh Tân, xã T, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh. Khi ly hôn, chị M và anh H đều yêu cầu được nuôi dưỡng cháu A đến đủ tuổi thành niên và không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị M và anh H đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng**: Chị Trần Thị M có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về tranh chấp “Ly hôn” với anh Nguyễn Đức H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

*** Về nội dung**:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị M và anh H tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 23/02/2017, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh H là hoàn toàn hợp pháp.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Chị M và anh H đều cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên đến tháng 3/2018 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp. Chị M và anh H đều cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, cuộc sống chung không còn. Tại phiên tòa hôm nay, chị M và anh H vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Việc thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn giữa chị M và anh H là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M; công nhận sự thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn giữa chị M và anh H.

- *Về con chung*: Vợ chồng chung sống với nhau có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 04/08/2017. Hiện nay cháu A đang sống với bà nội tại Thôn Vĩnh Tân, xã T, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh. Khi ly hôn, chị M và anh H đều yêu cầu được nuôi dưỡng cháu A đến đủ tuổi thành niên và không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị M cho rằng: Hiện nay cháu A đang sống với bà nội tại Thôn Vĩnh Tân, xã T, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh. Nguyên nhân là do bà nội vào thăm cháu rồi khi về quê đem theo cháu mà không hỏi ý kiến chị M. Nay do con còn nhỏ nên chị M yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu A đến đủ tuổi thành niên. Hiện nay công việc của chị M là nhân viên Bưu điện huyện D, thu nhập khoảng 6.000.000đ/1 tháng.

Anh H cho rằng: Do chị M không chăm sóc con, không có trách nhiệm với gia đình nên phải giao con cho bà nội chăm sóc từ tháng 5/2018 đến nay. Hiện nay cháu được bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Công việc của anh H là công nhân Công ty Bauxit Nhôm Lâm Đồng, lương tháng trung bình khoảng 8.000.000đ/1 tháng. Để thuận tiện cho việc phát triển ổn định của cháu thì anh H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu A đến đủ tuổi thành niên.

Xét thấy: Hiện nay cháu A còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Tại phiên tòa hôm nay, chị M cho rằng mình có đầy đủ điều kiện về kinh tế thuận tiện cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sinh sống và ăn học một cách đầy đủ nhất. Anh H cũng có nguyện vọng muốn được nhận nuôi con nhưng bản thân anh H cũng đang công tác làm việc tại Lâm Đồng, còn cháu A hiện nay đang do bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng ở tỉnh Hà Tĩnh. Vì vậy, việc giao con chung cho anh H nuôi dưỡng là không phù hợp nên để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu A, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung Nguyễn Đức A cho chị M có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên là phù hợp.

- *Về cấp dưỡng*: Tại phiên tòa hôm nay, chị M không yêu cầu nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị M và anh H đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

- *Về án phí*: Buộc chị M phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 212, Điều 213 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”. Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị M đối với anh Nguyễn Đức H về tranh chấp “*Ly hôn*”.

Chị Trần Thị M và anh Nguyễn Đức H thuận tình ly hôn.

2/ Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 04/8/2017 cho chị Trần Thị M có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên.

Anh Nguyễn Đức H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí: Chị Trần Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0005489 ngày 17

tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Chị Trần Thị M đã nộp đủ tiền án phí.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường